DỰ BÁO XU HƯỚNG BIẾN ĐỔI NHÂN CÁCH VĂN HOÁ CỦA TRÍ THỨC VIỆT NAM ĐẾN NĂM 2020

Lê Thị Thanh Hương

Viện Tâm lý học.

1. Các căn cứ dự báo

Nhân cách văn hoá con người nói chung và nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam nói riêng là một cấu thành được nảy sinh và phát triển do tác động của nhiều nhân tố khác nhau. Vì vậy, việc dự báo những thay đổi nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam trong những năm tới đây phải dựa trên cơ sở những thay đổi trong các nhân tố tác động đến sự hình thành và phát triển của nhân cách đó, đặc biệt là sự chi phối lẫn nhau trong tác động của những nhân tố đó. Ngoài ra, một căn cứ khác có thể tham khảo là những biến đổi nhân cách văn hoá trí thức của một số nước trên thế giới - một số nước mà trong quá trình phát triển đã có những giai đoạn hoặc điều kiện hay bối cảnh phát triển gần giống với Việt Nam hiện nay, nhưng do chính phủ các nước đó đã thực thi những chiến lược phát triển khác nhau và đã có những chính sách khác nhau đối với trí thức, nên ở tầng lớp trí thức của họ đã hình thành những nét nhân cách văn hoá hoặc tích cực hoặc tiêu cực đáng quan tâm.

Trong các nhân tố tác động đến quá trình hình thành và phát triển nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam có thể nêu ra ba nhân tố cơ bản nhất sau đây: 1. Những đặc thù của nền văn hoá dân tộc; 2. Bối cảnh phát triển chung của đất nước; 3. Việc thực thi các chính sách của Nhà nước đối với trí thức.

Văn hoá dân tộc đã được định hình theo chiều dài lịch sử dân tộc được xem như cái nền tạo nên cốt cách nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam. Đó là nền văn hoá với những nét đặc thù của một dân tộc chủ yếu làm nông nghiệp trồng lúa nước, sống trọng tình hơn trọng luật, có nền giáo dục chịu ảnh hưởng nhiều của nho giáo nên rất trọng bằng cấp, một dân tộc thường xuyên phải đấu tranh chống lại sự khắc nghiệt của các lực lượng thiên nhiên, chống lại giặc ngoại xâm... Dù muốn hay không, nhân cách của mỗi người trí thức cũng chịu tác động của nhân tố này. Sự tác động của văn hoá dân tộc đến nhân cách của

mỗi người diễn ra trong một thời gian trải dài từ lúc trẻ thơ - khi nhân cách mới nảy sinh cho đến hết cuộc đời theo một cách thức "mưa lâu thấm dần", vì vậy, những nét nhân cách văn hoá của người trí thức được hình thành do tác động của văn hoá dân tộc thường có tính bền vững cao. Song nét đặc thù của văn hoá truyền thống nổi rõ hoặc ẩn tàng (một cách sâu lắng) trong người trí thức lại tuỳ thuộc vào tác động của bối cảnh phát triển hiện nay và đặc biệt là thực trạng thực thi chính sách của Nhà nước đối với tầng lớp xã hội này - những nhân tố chi phối trực tiếp hơn đến cuộc sống và hoạt động nghề nghiệp hiện tại của người trí thức.

Văn hoá dân tộc không phải là một cái gì đó bất biến, song đối với mỗi con người, nhất là đối với người trưởng thành, thì đây là một nhân tố tương đối ổn định.

Bối cảnh phát triển trên thế giới cùng những giá trị chung được phổ biến rộng khắp không phải là nhân tố có tác động trải dài đến quá trình phát triển nhân cách văn hoá trí thức như nhân tố văn hoá dân tộc, song những biến động trong bối cảnh đó lại có thể có tác động khá mạnh đến nhân cách văn hoá người trí thức do chúng phản ánh những giá trị được đề cao trong giai đoạn hiện tại hoặc những giá trị mà con người mong nuốn vươn tới trong tương lai. Đặc điểm này dẫn đến hệ quả là những thay đổi trong nhân cách văn hoá trí thức do tác động của bối cảnh phát triển có thể diễn ra nhanh, nhưng không bền vững như những nét nhân cách văn hoá được hình thành do tác động của văn hoá dân tộc. Sự tồn tại của những nét nhân cách này tuỳ thuộc vào tính ổn định hay biến động của bối cảnh phát triển chung.

Sự hình thành bối cảnh phát triển chung diễn ra theo những quy luật khách quan mà mỗi người khó có khả năng chi phối. Bối cảnh đó là môi trường (vĩ mô) hoạt động hiện tại của con người, nó chứa đựng những đòi hỏi buộc con người phải tuân theo để có thể tồn tại, hội nhập và phát triển. Vì vậy, bối cảnh phát triển chung có thể không tác động trực tiếp đến hoạt động nghề nghiệp và thông qua đó đến nhân cách văn hoá tầng lớp trí thức Việt Nam, song bằng cách này hay cách khác nó vẫn chi phối họ, đặc biệt trong bối cảnh Việt Nam đang ngày càng mở cửa và hội nhập sâu hơn vào các quan hệ quốc tế.

Từ góc độ là nhân tố tác động mạnh đến nhân cách văn hoá trí thức, bối cảnh phát triển trên thế giới hiện nay và trong vài năm tới diễn ra với những đặc điểm nổi bật sau đây:

- Nền kinh tế thế giới đang chuyển dần sang nền kinh tế tri thức với khoa học, công nghệ phát triển đến trình độ cao, nguồn lực phát triển quan trọng nhất là trí tuệ con người, vốn tri thức ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong cấu thành của các loại sản phẩm. Đồng thời với sự phát triển của nền kinh tế trí thức, xu hướng phát triển nền kinh tế xanh cũng đang ngày càng được coi trọng.

- Toàn cầu hoá đang diễn ra mạnh mẽ trên phạm vi toàn thế giới, có tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của tất cả các nước trên thế giới. Trong xu thế toàn cầu hoá, sự hợp tác, giao lưu giữa các nước diễn ra rộng khắp trên nhiều lĩnh vực cuộc sống và những giá trị nổi trội đang được ưa chuộng, bao gồm cả những giá trị nghề nghiệp, có khả năng chi phối hành vi ứng xử của rất nhiều người lao động trên phạm vi toàn thế giới.

- Hệ thống cơ sở hạ tầng thông tin - mạng ngày càng phổ cập với nhiều chức năng tiện ích làm giảm thiểu giới hạn của những gianh giới địa lý và tăng cường khả năng tiếp cận của mỗi con người với tất cả các loại thông tin có trên toàn thế giới, đồng thời mở thêm địa hạt để mỗi người có thể thể hiện ý tưởng của bản thân.

- Ngày càng nảy sinh nhiều vấn đề có tính toàn cầu (cùng xảy ra ở nhiều nơi trên thế giới) và việc giải quyết chúng đòi hỏi sự tham gia của nhiều nước.

Một thành phần khác góp phần tạo nên bối cảnh phát triển hiện nay là định hướng phát triển của nước ta. Yếu tố này có ý nghĩa rất quan trọng bởi nó đặt ra trước tầng lớp trí thức những nhiệm vụ mà họ phải thực hiện trên cơ sở ý thức về các chức năng xã hội của tầng lớp mình. Cho tới năm 2020, Đảng và Nhà nước ta đã xác định:

- Đẩy nhanh công cuộc CNH, HĐH, đi tắt, đón đầu với mục tiêu trở thành nước công nghiệp vào năm 2020.

- Tăng cường mở cửa và hội nhập quốc tế. Trong bối cảnh toàn cầu hoá Việt Nam có nhiều cơ hội, song cũng đứng trước nguy cơ ngày càng tụt hậu so với nhiều nước trên thế giới.

- Coi trọng vai trò của tầng lớp trí thức trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xem đó là nguồn lực quan trọng, tạo nên sức mạnh của mỗi quốc gia trong chiến lược phát triển.

Bối cảnh phát triển nêu trên đặt ra trước tầng lớp trí thức trách nhiệm phải có những thay đổi để có thể hoàn thành được các chức năng xã hội của mình.

Nhân tố có tác động trực tiếp đến nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam là việc thực thi các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với tầng lớp xã hội này, bởi việc thực thi các chính sách có liên quan trực tiếp đến hoạt động nghề nghiệp của họ (như tạo điều kiện làm việc, chế độ đãi ngộ, cách thức quản lý hành chính và quản lý công việc, hành lang pháp lý liên quan đến hoạt động chuyên môn...) và trong rất nhiều trường hợp, cũng tác động trực tiếp đến cuộc sống của họ. Nói cách khác, nhân tố này có liên quan chặt chẽ với các động cơ làm việc hiện nay của người trí thức.

Trên thực tế, nhân cách văn hoá trí thức không phải chịu tác động của từng nhân tố riêng lẻ, mà chịu tác động đồng thời của những nhân tố đó. Trong khi đó, trong mỗi thời kỳ lịch sử, tác động của những nhân tố nêu trên là khác nhau tuỳ vào trình độ phát triển cũng như định hướng phát triển của xã hội và quan trọng hơn là mức độ tác động hay chiều hướng tác động của nhân tố này có thể làm nổi rõ hay hạn chế tác động của nhân tố kia. Thông thường nếu việc thực thi các chính sách đối với trí thức sát với yêu cầu của bối cảnh phát triển chung và hai nhân tố này đặt ra những đòi hỏi mạnh mẽ đối với trí thức thì những nét nhân cách văn hoá đã được hình thành do tác động của văn hoá truyền thống, nhưng không phù hợp với xu thế phát triển, thường sẽ ẩn lặn ở tầng sâu nhân cách. Ngược lại, nếu việc thực thi các chính sách đối với trí thức không theo kịp nhu cầu phát triển trong giai đoạn mới thì tác động của văn hoá truyền thống thường nổi rõ hơn thông qua những biểu hiện ít thay đổi của những nét nhân cách văn hoá đã được hình thành do tác động của nhân tố này hoặc qua những biến dạng của chúng cho phù hợp với bối cảnh mới. Chẳng hạn như trong một thời gian dài việc thực thi các chính sách đối với trí thức ở nước ta không theo kịp những yêu cầu của thực tiễn phát triển, nên trong nhân cách văn hoá trí thức hiện nay vẫn nổi rõ một số nét như tính sáng tạo, tinh thần cạnh tranh, tinh thần hợp tác không cao, xu hướng chuộng bằng cấp, ưa chuộng con đường phát triển để làm quan vẫn nổi khá rõ. Đây là những nét văn hoá đã được hình thành do tác động của phương thức giáo dục theo Nho giáo, của tâm lý tiểu nông và ngày nay chúng có thể còn được củng cố thêm do những khiếm khuyết trong chính sách hiện hành đối với trí thức hoặc các chính sách xã hội nói chung... Trong khi đó, chúng ta có thể thấy những nét nhân cách như vậy đã thay đổi ở những trí thức Việt kiều do tác động của những điều kiện sống ở nước ngoài. Vì vậy, để có thể dự báo xu hướng biến đổi nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam đến năm 2020, theo chúng tôi, cần đặc biệt chú ý đến sự tương tác trong tác động của những nhân tố nêu trên.

2. Các xu hướng phát triển nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam đến năm 2020

Từ những căn cứ nêu trên và trên cơ sở thực trạng nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam hiện nay, chúng tôi cho rằng trong thời gian tới (đến 2020) có thể dự báo một số xu hướng biến đổi nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam như sau:

2.1. Một loạt những phẩm chất tư duy, phẩm chất nhân cách khác cần thiết cho hoạt động nghề nghiệp của trí thức sẽ được kích hoạt và ngày càng thể hiện rõ

- Một số phẩm chất tư duy như tính sáng tạo, tinh thần phản biện, khả năng dự báo... ngày càng có cơ hội phát triển. Đây là những phẩm chất cốt lõi, có tính bản chất của trí thức và chúng được kích hoạt bởi quá trình hội nhập

quốc tế ngày càng sâu và rộng khắp hơn, bởi sự tương tác và hợp tác trong hoạt động nghề nghiệp giữa trí thức Việt Nam và trí thức nước ngoài, nhất là trí thức các nước phát triển hơn ngày càng nhiều, bởi xuất khẩu môi trường làm việc theo phong cách công nghiệp và khoa học của các đối tác nước ngoài vào Việt Nam ngày càng tăng mạnh, bởi thể chế dân chủ ngày càng được khẳng định và được hiện thực hoá trong cuộc sống thực tiễn và bởi những đòi hỏi cấp thiết của sự phát triển đất nước trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt hơn.

- Tính năng động, tinh thần nỗ lực học tập nâng cao trình độ chuyên môn phát triển mạnh bởi tính phức tạp và đặc biệt những thay đổi nhanh chóng của khoa học, kỹ thuật, công nghệ, của thực tiễn cuộc sống và bởi tính cạnh tranh ngày càng lớn trong bối cảnh hình thành một sân chơi toàn cầu.

- Niềm tin vào bản thân, tinh thần trách nhiệm, tinh thần hợp tác... ngày càng được nâng cao do chất lượng chuyên môn của tầng lớp trí thức ngày càng được nâng cao, tiếp cận gần với các đồng nghiệp quốc tế, do các tiêu chí đánh giá kết quả công việc ngày càng cụ thể và rõ ràng hơn, do nền khoa học, công nghệ phát triển đến trình độ đòi hỏi sự hợp tác bên cạnh khả năng tư duy độc lập của người trí thức mới có thể đạt được kết quả trong công việc một cách nhanh chóng đáp ứng nhu cầu của thực tiễn cuộc sống.

Xu hướng phát triển này được khá nhiều trí thức nhìn nhận là tất yếu trong bối cảnh toàn cầu hoá, mở cửa và Việt Nam ngày càng hội nhập sâu hơn vào các quan hệ quốc tế. Đó là kết quả mà trí thức Việt Nam đã và sẽ chủ động thích ứng với bối cảnh phát triển mới để có thể thực hiện được các chức năng xã hội của mình.

Mặc dù những phẩm chất nêu trên được kích hoạt nhưng định hướng giá trị công việc (công việc được ưa thích) của trí thức vẫn có xu hướng như hiện nay, bởi xu hướng đó một mặt, phản ánh bản chất của trí thức, mặt khác, thể hiện tác động của văn hoá truyền thống mà trong khoảng 10 - 15 năm tới chưa thể thay đổi. Đó là:

- Phần lớn trí thức coi trọng tính ổn định của công việc hơn là có mức thu nhập cao nhưng công việc có tính rủi ro.

- Phần lớn trí thức ưa thích công việc bận rộn, có nhiều áp lực đi liền với thu nhập cao hơn là công việc nhàn cùng với thu nhập thấp.

- Phần lớn trí thức coi trọng hứng thú trong công việc hơn cơ hội thăng tiến.

2.2. Tồn tại song song những cặp xu hướng trái ngược nhau nhưng không mâu thuẫn với nhau

a. Trong xác định các mục tiêu làm việc:

- *Xu hướng coi trọng quan điểm thực tế, gắn với cuộc sống hiện tại trong nhìn nhận các giá trị, trong xác định các mục tiêu của hoạt động nghề nghiệp ngày càng nổi rõ do yêu cầu thực tế ngày càng chú trọng đến hiệu quả công việc*. Xu hướng này thể hiện qua một số biểu hiện sau:

+ Các mục tiêu của hoạt động nghề nghiệp ngày càng gắn với thực tiễn cuộc sống, tính đến tính khả thi và ngày càng được xác định cụ thể để có thể thực hiện được cả vai trò như các tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc. Điều này đã và đang diễn ra thông qua một biểu hiện nhỏ là quan niệm về sáng tạo của trí thức đã thay đổi trong những năm vừa qua. Kết quả khảo sát cho thấy 83,2% số người cho rằng sáng tạo là khi có những ý kiến mới, dù là nhỏ trong lĩnh vực chuyên môn và chỉ có 16,8% - đồng ý rằng sáng tạo phải là có những khám phá quan trọng được chú ý trong lĩnh vực chuyên môn (trong khi đó kết quả khảo sát năm 2002 trên cán bộ nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn cho các số liệu tương ứng là 59,4% và 40,6%). Xu hướng thay đổi quan niệm như vậy phù hợp hơn với trình độ phát triển khoa học ở Việt Nam và trình độ của trí thức nước ta hiện nay và do đó trong những điều kiện quản lý tốt, quan niệm đó sẽ dễ trở thành lực kích thích trí thức nỗ lực làm việc hơn.

+ Thu nhập ngày công càng được coi trọng bởi nó không chỉ liên quan trực tiếp đến cuộc sống hàng ngày của con người mà trí thức xem nó như một tiêu chí thể hiện sự đánh giá của xã hội về hiệu quả lao động của trí thức và đòi hỏi các nhà quản lý phải thực hiện đánh giá theo tiêu chí này.

Xu hướng đề cao những giá trị thực tế tạo ra biểu hiện bề nổi là trí thức chú trọng đến những mục tiêu gần, mục tiêu trước mắt và những mục tiêu này có tác dụng thúc đẩy tính tích cực trong hoạt động nghề nghiệp của trí thức mạnh hơn so với những mục tiêu dài hạn.

- Cùng với xu hướng đề cao những giá trị thực tế thì *dần xuất hiện và ngày càng nổi rõ tầm nhìn dài hạn trong giải quyết các vấn đề của hiện tại*. Xu hướng này nảy sinh do nhu cầu về nâng cao chất lượng cuộc sống ngày càng phát triển và việc đáp ứng nhu cầu này của con người ngày càng tốt, đồng thời những vấn đề toàn cầu, đặc biệt là những vấn đề liên quan đến môi trường, khí hậu toàn cầu buộc người trí thức phải có tầm nhìn dài hạn trong giải quyết các vấn đề của hiện tại. Tuy nhiên, đến khoảng năm 2020, theo dự báo của một số nhà kinh tế học, nếu Việt Nam tận dụng được những điều kiện và cơ hội thuận lợi để phát triển, nền kinh tế nước ta mới đạt được mức trung bình, gần với các nước NICs hiện nay (4). Điều đó có nghĩa rằng khi đó mức sống của người dân Việt Nam, trong đó có trí thức cũng chỉ đạt mức trung bình thế giới và khả năng Nhà nước hay các công ty, tập đoàn, doanh nghiệp tư nhân đầu tư cho những nghiên cứu dài hạn, những nghiên cứu cơ bản còn hạn chế. Những điều này làm cho tầm nhìn dài hạn của trí thức trong giải quyết các vấn đề của hiện tại dù đã được quan tâm đến, nhưng chưa phải là phổ biến và chưa thật sự có

sức mạnh thúc đẩy trí thức làm việc bằng những mục tiêu cụ thể, có thể đạt được với chi phí hạn chế và trong thời gian ngắn (kinh nghiệm Nhật Bản - 5).

b. Trong định hướng giá trị cá nhân - cộng đồng:

- Các giá trị khẳng định vai trò Cái Tôi - nhân cách ngày càng được coi trọng. Nhu cầu được tôn trọng, được thể hiện chính kiến của cá nhân về các vấn đề xã hội, được đóng góp sức mình cho sự phát triển chung ngày càng phát triển.

- Cùng với xu hướng này là sự quan tâm đến những giá trị cộng đồng như coi trọng môi trường sinh hoạt chung, những nhu cầu chung của cả cộng đồng, sự tương trợ những nhóm yếu thế, những trường hợp rủi ro, bất hạnh, chú trọng phúc lợi xã hội... cũng trở nên phổ biến hơn.

c. Trong định hướng giá trị dân tộc - nhân loại:

Lòng tự tôn dân tộc ngày càng nổi rõ cùng với sự phát triển đi lên của đất nước do trong bối cảnh toàn cầu hoá, Việt Nam mở cửa và hội nhập càng sâu vào các quan hệ quốc tế thì con người càng có nhiều cơ hội so sánh các nền văn hoá khác nhau, ý thức rõ ràng hơn về vai trò to lớn của việc giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc trong quá trình toàn cầu hoá với yêu cầu cạnh tranh cao. Tuy nhiên, với xu hướng đề cao những giá trị thực tiễn thì các giá trị văn hoá dân tộc được đánh giá dưới góc độ có giá trị, có ý nghĩa cho sự phát triển của hiện tại và tương lai. Vì vậy, có khả năng xuất hiện xu hướng lòng tự tôn dân tộc được khẳng định qua những nỗ lực của trí thức nói riêng và toàn dân tộc nói chung cho sự phát triển của hiện tại và vươn lên trong tương lai hơn là bảo lưu các giá trị văn hoá truyền thống (đặc biệt là các giá trị ứng xử giữa người với người, với các nhóm xã hội khác nhau). Về bản chất, đây cũng là một biểu hiện tâm lý dân tộc. Trong lịch sử mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước, trong các cuộc tiếp biến văn hoá, người Việt Nam, dẫn đầu là tầng lớp trí thức đã có cái nhìn rất thực tế và linh hoạt trong việc tiếp thu các giá trị văn hoá nước ngoài nhằm phát triển văn hoá dân tộc: họ chủ yếu chỉ tiếp thu (và bảo lưu) những giá trị văn hoá có lợi cho cuộc sống hiện thực (2, 3).

- Cùng với lòng tự tôn dân tộc thì ý thức về việc tôn trọng văn hoá của các dân tộc khác trên thế giới cũng phát triển. Bên cạnh đó, do là tầng lớp tiên tiến trong xã hội, là tầng lớp có cơ hội tiếp cận nhanh nhất với những giá trị cơ bản của nhân loại trong bối cảnh toàn cầu hoá, mở cửa và hội nhập, nên tầng lớp trí thức Việt Nam sẽ ngày càng đề cao những giá trị cơ bản chung nhất của nhân loại và đòi hỏi được hiện thực hoá những giá trị đó trong thực tiễn cuộc sống. Đó là những giá trị như hoà bình, tự do, dân chủ, công bằng, tôn trọng dị biệt...

Như vậy, giá trị dân tộc và giá trị nhân loại ngày càng hoà quyện vào nhau dẫn đến chỗ tư duy mang tính toàn cầu hình thành và phát triển. Trí thức

ngày càng quan tâm nhiều hơn đến những vấn đề chung của nhận loại, của trí thức các nước khác trên thế giới và mong muốn góp tiếng nói của mình vào việc giải quyết những vấn đề đó. Quan niệm về "phục vụ dân tộc" và "phục vụ nhân loại" cũng trở nên thoáng hơn và gắn kết với nhau hơn. Họ cho rằng "phục vụ dân tộc cũng là phục vụ nhân loại" và ngược lại. Tuy nhiên, vế thứ nhất vẫn được coi trọng hơn. Mặc dù vậy, có khả năng sẽ xuất hiện nhiều hơn những trí thức Việt Nam làm việc xuyên biên giới, đối tượng phục vụ của họ là cư dân toàn cầu, chứ không tính đến biên giới một quốc gia cụ thể nào đó. Đây là một dự báo mà GS. Trần Hữu Dũng đã nêu ra (1). Tuy nhiên, khác với Trần Hữu Dũng (cho rằng với những trí thức như vậy thì tinh thần quốc gia của họ sẽ phai lạt), chúng tôi cho rằng với những người trí thức Việt Nam - cư dân toàn cầu thì ý thức quốc gia, ý thức về dân tộc tính của họ vẫn tồn tại trong sâu thẳm tâm hồn họ. Đây là một đặc điểm văn hoá truyền thống của dân tộc Việt nói chung và trí thức Việt Nam nói riêng. Nét văn hoá này không dễ phai mờ trong khoảng 10 - 15 năm tới. Đây là cơ sở để Đảng và Nhà nước xây dựng các chính sách thu hút trí thức Việt kiều, trí thức Việt Nam - cư dân toàn cầu đóng góp sức mình cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.

d. Trong định hướng giá trị về môi trường xã hội:

Cho đến năm 2020 định hướng giá trị về môi trường xã hội (liên quan đến quản lý xã hội, phúc lợi xã hội, an toàn xã hội, quan hệ giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường...) của tầng lớp trí thức Việt Nam sẽ ít có những thay đổi lớn so với hiện nay. Họ mong muốn được sống trong xã hội được quản lý chặt chẽ đảm bảo môi trường sống an toàn cho tất cả mọi người, một xã hội có phúc lợi xã hội rộng rãi, hỗ trợ cho các nhóm yếu thế; sự phát triển kinh tế phải đảm bảo bảo vệ được môi trường, nhưng là một xã hội phân phối dựa trên hiệu quả công việc. Định hướng giá trị về môi trường xã hội như vậy phù hợp với đặc điểm tâm lý truyền thống của con người Việt Nam nói chung và trí thức Việt Nam nói riêng là ưa thích một cuộc sống yên lành, ít có những biến động lớn. Và hơn nữa, cho đến giai đoạn hiện nay, trên thế giới quan điểm về phát triển kinh tế bằng mọi giá đã không còn được đề cao. Những hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong xã hội của các nước phát triển đã làm cho các nhà hoạt động xã hội và các tổ chức quốc tế quay trở lại quan tâm nhiều hơn đến những giá trị phi kinh tế trong cuộc sống của con người như cảm nhận về hạnh phúc trong cuộc sống, phúc lợi xã hội rộng rãi cho những nhóm có nguy cơ gặp rủi ro cao, tính an toàn của môi trường sống... Xu hướng này trên thế giới dường như là nhân tố có giá trị củng cố cho đặc điểm tâm lý truyền thống nêu trên của người Việt Nam, trong đó có trí thức.

Những xu hướng biến đổi nhân cách văn hoá của tầng lớp trí thức Việt Nam nêu trên là tất yếu. Tuy nhiên, mức độ biến đổi diễn ra nhanh hay chậm lại tuỳ thuộc rất nhiều vào việc các chính sách của Nhà nước đối với trí thức

được thực thi như thế nào trong thực tiễn cuộc sống. Chẳng hạn, nếu như chính sách lương và đãi ngộ đối với trí thức chưa thoả đáng, thì đương nhiên trí thức vẫn phải dành nhiều sự quan tâm cho việc tìm kiếm thu nhập đảm bảo cuộc sống và do đó dù tư duy sáng tạo vẫn phát triển do đòi hỏi của thực tiễn phát triển, song hiệu quả đạt được chắc chắn sẽ hạn chế. Hoặc nếu như trong chính sách sử dụng cán bộ, tình trạng chuộng bằng cấp một cách hình thức không được khắc phục thì nhiều hiện tượng tiêu cực hiện nay như sao chép ý tưởng, thiếu trung thực trong công bố kết quả nghiên cứu... sẽ trở nên trầm trọng và tinh vi hơn (kinh nghiệm của Trung Quốc)... Vì vậy, vấn đề đổi mới các chính sách của Đảng và Nhà nước đối với trí thức và hiện thực hoá các chính sách đó trong cuộc sống có ý nghĩa rất quan trọng đối với quá trình phát triển nhân cách văn hoá trí thức trong những năm tới đây.

Tài liệu tham khảo

1. Trần Hữu Dũng, *Trí thức Việt Nam thời toàn cầu hoá: Tư duy, kỳ vọng, trách nhiệm*, Bài viết cho kỷ yếu vinh danh nhà toán học - GS *Đặng Đình Áng*, đăng trên http//chungta.com/desktop.aspx/ChungTa-SuyNgam/SuyNgam/ 5/2/2008).

2. Trần Đình Hượu (1996), *Đến hiện đại từ truyền thống*, NXB Văn hoá.

3. Nguyên Ngọc (2006), *Nghĩ thêm về bản sắc*, trong quyển Văn hoá thời hội nhập (nhiều tác giả), NXB Trẻ.

4. *Một số vấn đề cơ bản về kinh tế trí thức - cơ hội và thách thức đặt ra cho Việt Nam*, Đề tài trọng điểm Đại học Quốc gia Hà Nội do PGS.TS. Phí Mạnh Hồng làm chủ nhiệm, 2006.

5. Viện Khoa học giáo dục Việt Nam (2008), *Kinh nghiệm của một số nước về phát triển giáo dục và đào tạo khoa học và công nghệ gắn với xây dựng đội ngũ trí thức*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.

6. Kết quả khảo sát thực tiễn năm 2008 của đề tài cấp nhà nước "Nhân cách văn hoá trí thức Việt Nam trong tiến trình mở cửa và hội nhập quốc tế" do Viện Tâm lý học chủ trì, PGS.TS. Lê Thị Thanh Hương làm chủ nhiệm.